

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường  
Dự án khai thác đất sét và đất san lấp, xây dựng công trình tại bãi chứa thải  
trong diện tích dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Lộc Đại**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét nội dung báo cáo Đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác đất sét và đất san lấp, xây dựng công trình tại bãi chứa thải trong diện tích dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Lộc Đại đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn giải trình số 21/2020/CV-NLQN ngày 02/10/2020 của Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông lâm Quảng Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 726/TTr-STNMT ngày 09 tháng 10 năm 2020 và hồ sơ kèm theo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác đất sét và đất san lấp, xây dựng công trình tại bãi chứa thải trong diện tích dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Lộc Đại (sau đây viết tắt là Dự án) do Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông lâm Quảng Nam làm Chủ dự án với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong việc thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
3. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (nếu có) của Dự án.
4. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương; Chủ tịch UBND huyện Quế Sơn; Chủ tịch UBND xã Quế Hiệp; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông lâm Quảng Nam; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT huyện Quế Sơn;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**ĐẦU TƯ KHAI THÁC ĐẤT SÉT VÀ ĐẤT SAN LẤP, XÂY DỰNG**  
**CÔNG TRÌNH TẠI BÃI CHỨA THẢI TRONG DIỆN TÍCH DỰ ÁN ĐẦU**  
**TƯ XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC LỘC ĐẠI**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2020  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Các thông tin liên quan:**

- Tên Dự án: Khai thác đất sét và đất san lấp, xây dựng công trình tại bãi chứa thải trong diện tích dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Lộc Đại
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông lâm Quảng Nam
- Địa chỉ liên hệ: Lô 6 Khu Công nghiệp Đông Quế Sơn, xã Hương An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:**

- Phạm vi: Tổng diện tích khu vực khai thác 1,73 ha (tại Công văn số 3582/UBND-KTN ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc cho phép lập hồ sơ, thủ tục cấp phép khai thác đất sét và đất san lấp, xây dựng công trình tại bãi chứa thải trong khu vực bãi thải dự án đầu tư công trình Hồ chứa nước Lộc Đại).

- Quy mô của Dự án:
  - + Công suất khai thác của dự án: 70.000 m<sup>3</sup> nguyên khai/năm.
  - + Thời gian khai thác: Thời gian khai thác 36 tháng kể từ ngày được cấp phép.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:**

**2.1. Các tác động môi trường chính:**

- Bụi, khí thải:
  - + Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị.
  - + Bụi từ quá trình khai thác (bốc xúc đất) và vận chuyển đất.
- Nước thải:
  - + Nước thải trong quá trình khai thác: Phát sinh từ nước rửa bánh xe khi ra vào khu vực Dự án, nước tưới đường vận chuyển.
  - + Nước thải sinh hoạt: Phát sinh nước thải sinh hoạt của người lao động làm việc trên công trường.
- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sản xuất: phát sinh từ quá trình phục hồi môi trường gồm: Sắt, thép, tôn... thải bỏ sau tháo dỡ các công trình xây dựng tại khu mỏ.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ quá trình sinh hoạt hàng ngày của công nhân viên làm việc tại Dự án.

- Chất thải nguy hại: Dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện thiết bị, máy móc thi công trong khu vực dự án.

## **2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

- Bụi, khí thải: Các hoạt động khai thác và vận chuyển 70.000 m<sup>3</sup> (nguyên khối) làm phát sinh bụi đất và khí thải ra môi trường không khí xung quanh.

- Các máy móc, thiết bị khai thác, vận chuyển sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diesel, khi hoạt động sẽ thải ra môi trường một lượng khói thải chứa các chất gây ô nhiễm không khí như bụi, SO<sub>x</sub> CO<sub>x</sub> NO<sub>x</sub>.

## **2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:**

Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình khai thác khoảng 0,36 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần của nước thải sinh hoạt chứa lượng lớn các chất gây ô nhiễm như: Cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD, COD).

## **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn:**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thành phần có chứa thực phẩm, các loại thức ăn thừa, bao bì ni lông, carton, giấy vụn... Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 5,6 kg/ngày.

## **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):**

- Chất thải nguy hại như giẻ lau dính dầu, ắc quy thải, bóng đèn, kim loại dính dầu mỡ ... phát sinh ước tính khoảng 02 kg/tháng.

## **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:**

### **3.1. Về xử lý bụi, khí thải trong quá trình khai thác:**

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí tại công trường:

+ Sử dụng các loại máy móc phục vụ thi công mới và có đầy đủ hồ sơ đăng kiểm; Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất.

+ Có kế hoạch thi công hợp lý; bố trí thời gian vận chuyển tránh các giờ cao điểm.

+ Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

- Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển:

+ Bố trí thời gian vận chuyển tránh các giờ cao điểm (chỉ vận chuyển từ 07h00' đến 11h30' và từ 13h30' đến 17h00').

+ Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ; không chở đất quá thành xe, quá trọng tải thiết kế, không chạy quá tốc độ cho phép.

+ Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

+ Tiến hành phun nước rửa bánh xe trước khi ra khỏi khu vực dự án.

+ Thường xuyên phun, tưới nước trên đoạn đường vận chuyển .

### **3.2. Về thu gom và xử lý nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh sẵn có tại nhà điều hành để thu gom nước thải sinh hoạt, định kỳ hợp đồng đơn vị chức năng hút xử lý theo quy định.

- Nước từ quá trình khai thác:

+ Tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường phải qua bể rửa xe để làm sạch bánh xe. Lượng nước thải này chủ yếu nhiễm bẩn bởi các chất vô cơ (đất cát) và một phần hữu cơ do các loại chất thải hữu cơ bám vào xe nên xử lý sơ bộ bằng quá trình lắng đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường hoặc tái sử dụng để rửa bánh xe.

+ Vị trí bố trí rửa xe: tại khu vực nhà điều hành dự án.

+ Tần suất: Khi có xe ra khỏi công trường.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:**

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt: bố trí các thùng chứa rác tại khu vực lán trại công nhân và nhà điều hành để thu gom và phân loại tại nguồn các loại rác thải để có biện pháp xử lý thích hợp:

+ Đối với các chất thải có thể tái chế (như giấy vụn, nhựa có thể tái sử dụng): bán lại cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Các chất thải không còn giá trị sử dụng (gồm các chất thải vô cơ không thể tái chế được như bao bì, đồ hộp..., lá cây và các chất thải hữu cơ khác không thể tận dụng): hợp đồng với đơn vị thu gom tại khu vực để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:**

- Các loại CTNH khác nhau, tiến hành thu gom riêng và chứa trong các dụng cụ riêng biệt.

- Toàn bộ chất thải nguy hại sau khi thu gom sẽ được tập kết tại kho chứa 6m<sup>2</sup> có mái che gần khu vực nhà điều hành.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị dịch vụ đến vận chuyển đi xử lý theo quy định.

### **3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở đất

+ Không tiến hành việc khai thác vào thời điểm mưa lớn kéo dài nhiều ngày.

+ Khai thác theo đúng thiết kế đã được phê duyệt;

- Phòng ngừa do thiên tai;
- + Bố trí kế hoạch thi công phù hợp, tránh thi công vào những ngày mưa;
- + Tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công hợp lý.

#### **4. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:**

##### **4.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:**

- San gạt mặt bằng và đầm chặt khu vực bãi thải về cos hiện trạng và có độ cao độ tuyệt đối (+45m, +44m) theo thiết kế Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước Lộc Đại.

##### **4.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:**

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 71.500.000 đồng (*Bảy mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng*).

- Tổng kinh phí ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là: 71.500.000 đồng (*Bảy mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ: Theo thời gian trong Dự án đầu tư thì tuổi thọ của mỏ là 36 tháng (nằm trong khoảng thời gian 01 năm  $<n < 10$  năm), do đó phải thực hiện ký quỹ nhiều lần, cụ thể như sau:

- + Số tiền ký quỹ lần đầu: 17.875.000 đồng (*Mười bảy triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

- + Số tiền ký quỹ cho 2 năm còn lại là 26.812.500 đồng (*Hai mươi sáu triệu, tám trăm mười hai ngàn, năm trăm đồng*).

Chủ dự án có thể lựa chọn việc ký quỹ một lần cho toàn bộ số tiền ký quỹ.

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

Trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian trong Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt thì Chủ dự án có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung và dự toán số tiền ký quỹ theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trình UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định.

- Thời điểm ký quỹ:

- + Việc ký quỹ lần đầu được thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp.

- + Việc ký quỹ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (trong trường hợp Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam chưa được thành lập).

#### **5. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:**

Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện ở bảng

sau:

TT	Công trình	Số lượng	Kế hoạch xây lắp
1	Nhà vệ sinh	02 nhà vệ sinh	Đã có sẵn
2	Các thùng chứa chất thải chuyên dụng	04 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt và nguy hại	Hoàn thành trước khi bắt đầu khai thác
3	Kho chứa chất thải rắn, CTNH	Lắp dựng bằng khung kèo, mái lợp tôn 6 m <sup>2</sup>	Đã có sẵn

## 6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

### 6.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí:

- Các thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, độ rung, bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại khu vực trung tâm khu khai thác đất.

+ 01 điểm tại khu vực rẽ vào đường HL611

- Tần suất giám sát: 3 tháng/ lần

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT về 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

### 6.2. Giám sát chất thải rắn thông thường:

- Thông số giám sát: Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý chất thải rắn thông thường.

- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ dự án.

- Tần suất: Thường xuyên trong quá trình khai thác

### 6.3. Giám sát chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: Khối lượng, công tác thu gom, tập kết và xử lý chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ dự án

- Tần suất: Thường xuyên trong quá trình khai thác

### 6.4. Giám sát các sự cố môi trường như sự cố sạt lở đất

- Thời gian giám sát: thường xuyên trong quá trình khai thác.

## **7. Trách nhiệm của Chủ dự án:**

7.1. Tổ chức việc khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng của Dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chống trôi đất đá thải ra môi trường xung quanh.

7.2. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

7.3. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

7.4. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

7.5. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phú Ninh để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7.6. Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

7.7. Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Lập, trình Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

7.8. Báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Quế Sơn trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

7.9. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.10. Chủ Dự án có trách nhiệm nộp số tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt. Đồng thời, Chủ Dự án phải có trách nhiệm kê khai và nộp tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (trong trường hợp Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh



Quảng Nam chưa được thành lập) theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7.11. Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

## **8. Các điều kiện liên quan kèm theo:**

8.1. Tổ chức theo dõi, quan trắc các khu vực bãi thải khai thác và có giải pháp phòng ngừa có hiện tượng dịch chuyển, sạt lở; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

8.2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu nêu tại quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.3. Phối hợp chặt chẽ chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khai thác Dự án.